

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ- ST
Ngày 07 - 01 - 2025
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Ngọc Đại và ông Nguyễn Xuân Thịnh;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1983, “có mặt”;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, TP P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: TDP N1, phường N2, TP.P, tỉnh Vĩnh Phúc

Có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lưu Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Văn H1 trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2022 tại UBND phường N2, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị có về nhà anh H1 làm dâu ở chung với gia đình anh H1 tại phường N2. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 đi làm nhưng không đưa tiền sinh hoạt cho chị, anh H1 thường xuyên rượu chè về mắng chửi chị. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H1 không nghe. Xác định không thể tiếp tục chung sống với

anh H1 được nữa, nên tháng 5 năm 2023, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống cho đến nay. Quá trình chị sinh sống ở nhà bố mẹ, anh H1 có vài lần đến gặp chị, chứ không đón chị về và cũng không hứa là sẽ thay đổi và sửa chữa lỗi lầm. Trong thời gian ly thân, chị và anh H1 có quan hệ tình cảm và chị sinh được một cháu gái tên là Vũ Gia H2. Chị nghĩ sau khi sinh con quan hệ tình cảm giữa chị và anh H1 sẽ tốt lên. Nhưng anh H1 vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên uống rượu, là một người chồng, người cha không có trách nhiệm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H1 nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là cháu Vũ Gia H2, sinh ngày 20/4/2024. Hiện nay cháu H2 đang ở với chị tại nhà bố mẹ chị thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu anh H1 phải đóng góp tiền nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân ở Công ty V ở Khu công nghiệp BT, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; thu nhập 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản, vay nợ, công sức: Chị và anh H1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản làm việc về việc lấy lời khai đương sự, bị đơn là anh Vũ Văn H1 trình bày: Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, báo anh đến làm việc để giải quyết ly hôn giữa chị Lưu Thị H với anh. Anh thừa nhận thời điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân như chị H trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H tự ý bỏ về nhà ngoại, không nói gì với gia đình anh. Anh có nhiều lần qua nhà chị H động viên, bảo chị quay về nhưng chị không chịu về. Kể cả khi chị H sinh con, anh muốn đón cả hai mẹ con chị về nhà cùng anh nhưng chị không chịu về. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, chị H xin ly hôn anh không nhất trí. Sau đó Tòa án có báo gọi anh H1 đến hòa giải, nhưng anh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Vũ Gia H2, sinh ngày 20/4/2024. Hiện nay cháu H2 đang ở với chị H ở Thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý để chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì chị không yêu cầu.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh và chị H1 có.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Vũ Văn H1;

- Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Gia H2, sinh ngày 20/4/2024. Anh Vũ Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Giải quyết bằng vụ án khác, khi có đơn yêu cầu. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn H1, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ dân phố N1, phường N2, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố P đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về tình cảm: Xét đơn xin ly hôn của chị Lưu Thị H với anh Vũ Văn H1, Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại UBND phường N2, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, ý kiến của bố chị H, mẹ anh H1 và lời khai của chị H, anh H1 cho thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hai bên gia đình cũng đã giàn xếp nhưng không được. Xác định không thể chung sống với anh H1, nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Bản thân anh H1 mặc dù không đồng ý ly hôn chị H, nhưng không quan tâm đến tâm tư tình cảm của chị H và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án báo gọi anh đến để hòa giải chuyện tình cảm với chị H, anh cũng không đến, tại phiên tòa hôm nay anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Vũ Gia H2, sinh ngày 20/4/2024. Hiện nay cháu H2 đang ở với chị H ở Thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Ly hôn, anh H1 cũng nhất trí giao cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2. Anh Vũ Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H, nhưng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

*Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết, không xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Lưu Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Vũ Văn H1.
2. Về con chung: Giao cháu Vũ Gia H2, sinh ngày 20/4/2024 cho chị Lưu Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Vũ Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H ; nhưng anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu;
4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lưu Thị H phải nộp 300.000đồng tiền án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: 0004116 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P; chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND T.P Phúc Yên;
- Chi cục THA dân sự T.P Phúc Yên;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; văn phòng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lưu Thị Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Ngọc Đại

Nguyễn Xuân Thịnh

Lưu Thị Thúy